

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC TÀI SẢN, CÔNG CỤ DỤNG CỤ, THIẾT BỊ DẠY HỌC ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHUYỂN THANH LÝ
(Bán, điều chỉnh, thu hồi, thanh lý) NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên tài sản	Hiện có tại đơn vị (Đang quản lý sử dụng)				Đề nghị xử lý (Bán, điều chỉnh, thu hồi, thanh lý)					Đánh giá theo thực tế kiểm kê	
		Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá theo sổ kế toán (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ kế toán (đồng)	Số lượng	Chủng loại cấp hạng	Nguyên giá theo sổ kế toán (đồng)	Phương thức xử lý	Ghi chú	Số lượng	Số tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Máy photocopy Sharp	2014	1	79,300,000	0	1		79,300,000	Thanh lý		1	150,000
2	Âm li	2017	1	800,000	0	1		800,000	Hủy		1	-
3	Bảng thông báo	2018	1	3,000,000	0	1		3,000,000	Hủy		1	-
4	Bình chữa cháy	2009	10	4,000,000	0	10		4,000,000	Hủy		10	-
5	Bàn tính học đếm	2018	14	1,162,000	0	14		1,162,000	Hủy		14	
6	Bộ đồ chơi đi cầu cây	2015	2	11,400,000	0	2		11,400,000	Hủy		2	-
7	Bộ đồ chơi đồ dùng ăn uống	2018	16	608,000	0	16		608,000	Hủy		16	-
8	Bộ đồ chơi đồ dùng gia đình	2018	16	1,696,000	0	16		1,696,000	Hủy		16	
9	Bộ đồ chơi nhà bếp	2018	16	816,000	0	16		816,000	Hủy		16	
10	Bộ đơn có tay cầm an toàn	2016	3	12,600,000	0	3		12,600,000	Hủy		3	
11	Bộ sinh đôi có tay cầm an toàn	2016	2	11,084,400	0	2		11,084,400	Hủy		2	
12	Bộ tín hiệu giao thông cho bé	2016	1	4,945,000	0	1		4,945,000	Hủy		1	
13	Bộ trang phục bác sỹ	2018	10	950,000	0	10		950,000	Hủy		10	
14	Bộ trang phục bộ đội	2018	10	1,540,000	0	10		1,540,000	Hủy		10	
15	Bộ trang phục công an	2018	10	1,540,000	0	10		1,540,000	Hủy		10	
16	Bộ trang phục công nhân	2018	10	1,540,000	0	10		1,540,000	Hủy		10	
17	Bộ trang phục nấu ăn	2018	16	864,000	0	16		864,000	Hủy		16	
18	Bộ tranh minh họa cho nhà giáo dục mầm non về an toàn giao thông cho trẻ mầm non	2018	10	1,540,000	0	10		1,540,000	Hủy		10	
19	Bộ tranh minh họa thơ nhà trẻ	2018	2	174,000	0	2		174,000	Hủy		2	
20	Bộ tranh truyện mẫu giáo	2018	10	1,000,000	0	10		1,000,000	Hủy		10	
21	Bộ tranh truyện nhà trẻ	2018	2	100,000	0	2		100,000	Hủy		2	
22	Chảo lớn 50 cm	2018	1	920,000	0	1		920,000	Hủy		1	

STT	Tên tài sản	Hiện có tại đơn vị (Đang quản lý sử dụng)				Đề nghị xử lý (Bán, điều chỉnh, thu hồi, thanh lý)					Đánh giá theo thực tế kiểm kê	
		Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá theo sổ kế toán (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ kế toán (đồng)	Số lượng	Chủng loại cấp hạng	Nguyên giá theo sổ kế toán (đồng)	Phương thức xử lý	Ghi chú	Số lượng	Số tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
23	Chén inox	2018	150	8,400,000	0	150		8,400,000	Hủy		150	
24	Dao bào lớn	2018	2	110,000	0	2		110,000	Hủy		2	
25	Dao bào nhỏ	2018	2	90,000	0	2		90,000	Hủy		2	
26	Dao thái nhỏ	2018	4	480,000	0	4		480,000	Hủy		4	
27	Đồng hồ học số, học hình	2018	14	1,036,000	0	14		1,036,000	Hủy		14	
28	Giá móc khăn inox	2018	8	9,600,000	0	8		9,600,000	Hủy		8	
29	Giá phơi khăn inox	2018	15	9,750,000	0	15		9,750,000	Hủy		15	
30	Hàng rào lắp ghép lớn	2018	16	1,248,000	0	16		1,248,000	Hủy		16	
31	Kệ mâm non gỗ D120cm	2018	1	2,650,000	0	1		2,650,000	Hủy		1	
32	Kệ nhựa mâm non D108cm	2018	1	3,950,000	0	1		3,950,000	Hủy		1	
33	Kệ nhựa mâm non D95cm	2018	1	2,400,000	0	1		2,400,000	Hủy		1	
34	Kẽm nhung góc học tập 30cm	2018	70	245,000	0	70		245,000	Hủy		70	
35	Lồng hộp nhà trẻ- vuông, tròn	2018	2	60,000	0	2		60,000	Hủy		2	
36	Móc treo tranh góc học tập	2018	30	1,200,000	0	30		1,200,000	Hủy		30	
37	Muỗng inox	2018	100	500,000	0	100		500,000	Hủy		100	
38	Nồi inox 50x50cm	2018	1	3,500,000	0	1		3,500,000	Hủy		1	
39	Nồi trung inox 40cm	2018	1	2,350,000	0	1		2,350,000	Hủy		1	
40	Que gỗ màu dài 15cm	2018	40	800,000	0	40		800,000	Hủy		40	
41	Rổ nhôm lớn 40	2018	3	495,000	0	3		495,000	Hủy		3	
42	Rổ nhôm lớn 60	2018	3	1,050,000	0	3		1,050,000	Hủy		3	
43	Thau đựng chén 60cm nhôm	2018	3	1,050,000	0	3		1,050,000	Hủy		3	
44	Thau lớn 60cm nhôm	2018	2	900,000	0	2		900,000	Hủy		2	
45	Thau nhôm nhỏ 40cm	2018	1	295,000	0	1		295,000	Hủy		1	
46	Thau nhựa nhỏ	2018	3	315,000	0	3		315,000	Hủy		3	
47	Thau trung 50cm nhôm	2018	1	380,000	0	1		380,000	Hủy		1	
48	Thố nhựa 18cm	2018	5	400,000	0	5		400,000	Hủy		5	
49	Thớt gỗ	2018	3	1,470,000	0	3		1,470,000	Hủy		3	
50	Thùng rác nhựa	2018	17	3,655,000	0	17		3,655,000	Hủy		17	

STT	Tên tài sản	Hiện có tại đơn vị (Đang quản lý sử dụng)				Đề nghị xử lý (Bán, điều chỉnh, thu hồi, thanh lý)					Đánh giá theo thực tế kiểm kê	
		Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá theo sổ kế toán (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ kế toán (đồng)	Số lượng	Chủng loại cấp hạng	Nguyên giá theo sổ kế toán (đồng)	Phương thức xử lý	Ghi chú	Số lượng	Số tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
51	Tô inox	2018	110	2,860,000	0	110		2,860,000	Hủy		110	
52	Vá mức canh inox	2018	5	550,000	0	5		550,000	Hủy		5	
53	Vá mức com inox	2018	5	275,000	0	5		275,000	Hủy		5	
54	Vá pha sữa lớn inox	2018	1	110,000	0	1		110,000	Hủy		1	
55	Xô có nắp lớn	2018	2	1,300,000	0	2		1,300,000	Hủy		2	
56	Xô có nắp nhỏ	2018	2	1,220,000	0	2		1,220,000	Hủy		2	
57	Xô có nắp trung	2018	2	1,260,000	0	2		1,260,000	Hủy		2	
58	Cối sinh tố Legend	2022	1	2,600,000	0	1		2,600,000	Hủy		1	
59	Cối sinh tố Philip	2022	1	1,600,000	0	1		1,600,000	Hủy		1	
60	Đồng hồ treo tường	2022	2	440,000	0	2		440,000	Hủy		2	
61	Giếng khoan	2013	2	4,700,000	0	2		4,700,000	Hủy		2	
62	Giếng khoan	2013	1	5,000,000	0	1		5,000,000	Hủy		1	
63	Nâng cấp PM Misa	2022	1	6,000,000	0	1		6,000,000	Hủy		1	
64	Tủ lạnh Panasonic 260 lít lưu mẫu thức ăn	2011	1	13,700,000	0	1		6,850,000	Thanh lý		1	200,000
65	Cỏ nhân tạo 2021	2021	120	12,000,000	0	120		12,000,000	Hủy		120	
66	Hoa vĩa treo	2019	20	3,000,000	0	20		3,000,000	Hủy		20	
67	Xô inox 304 (20cm)		1	230,000	0	1		230,000	Hủy		1	
68	Bóng đèn	2020	3	555,000	0	3		555,000	Hủy		3	
69	Bóng đèn led	2020	8	1,280,000	0	8		1,280,000	Hủy		8	
70	Chân inox	2020	1	285,000	0	1		285,000	Hủy		1	
71	Đầu DVD - USB	2019	1	992,300	0	1		992,300	Hủy		1	
72	Két sắt 80 khóa số	2015	1	5,250,000	0	1		5,250,000	Hủy		1	
73	Máy tính casio	2020	1	380,000	0	1		380,000	Hủy		1	
74	Ổ khóa	2018	6	870,000	0	6		870,000	Hủy		6	
75	Ổ khóa việt tiếp	2020	2	260,000	0	2		260,000	Hủy		2	
76	Đồng hồ	2020	1	300,000	0	1		300,000	Hủy		1	
77	Đồng hồ treo tường	2020	2	700,000	0	2		700,000	Hủy		2	

STT	Tên tài sản	Hiện có tại đơn vị (Đang quản lý sử dụng)				Đề nghị xử lý (Bán, điều chỉnh, thu hồi, thanh lý)					Đánh giá theo thực tế kiểm kê	
		Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá theo sổ kế toán (đồng)	Giá trị còn lại theo sổ kế toán (đồng)	Số lượng	Chủng loại cấp hạng	Nguyên giá theo sổ kế toán (đồng)	Phương thức xử lý	Ghi chú	Số lượng	Số tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
78	Ấm nước	2019	1	650,000	0	1		650,000	Hủy		1	
79	Dây HDMI dài 5m	2019	1	255,000	0	1		255,000	Hủy		1	
80	Ly uống nước	2019	60	720,000	0	60		720,000	Hủy		60	
81	Ổ khóa Việt tiếp	2019	22	2,530,000	0	22		2,530,000	Hủy		22	
82	Kệ inox đựng nước	2020	1	160,000	0	1		160,000	Hủy		1	
83	Kệ mâm non	2020	13	26,650,000	0	13		26,650,000	Hủy		13	
84	Kệ sách nhôm	2014	16	9,920,000	0	16		9,920,000	Hủy		16	
85	Kéo cắt cây	2020	1	310,000	0	1		310,000	Hủy		1	
86	Kéo tia cành	2020	1	130,000	0	1		130,000	Hủy		1	
87	Loa nén	2017	1	750,000	0	1		750,000	Hủy		1	
89	Ổ cắm điện	2020	8	760,000	0	8		760,000	Hủy		8	
90	Ổ cắm điện	2020	1	135,000	0	1		135,000	Hủy		1	-
91	Ổ cắm điện	2020	1	95,000	0	1		95,000	Hủy		1	-
92	Ổ cắm điện	2020	2	190,000	0	2		190,000	Hủy		2	
93	Tủ thuốc y tế	2009	17	4,250,000	0	17		4,250,000	Hủy		17	850,000
			1,112	315,180,700		1,112	-	308,330,700				1,200,000

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Yến Nhung